

NGHIÊN CỨU ĐẶC ĐIỂM KHU HỆ CHIM KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN THƯỢNG TIẾN, HÒA BÌNH

Vũ Tiến Thịnh

TS. Trường Đại học Lâm nghiệp

TÓM TẮT

Khu bảo tồn thiên nhiên Thượng Tiến có diện tích 7.308 ha, nằm trên địa bàn 2 huyện Lạc Sơn và Kim Bôi của tỉnh Hòa Bình. Đây là khu rừng có vai trò quan trọng về nhiều mặt, đặc trưng bởi hệ sinh thái rừng tự nhiên trên núi đất. Kết quả điều tra khu hệ chim tại khu vực đã ghi nhận 100 loài, thuộc 8 bộ và 29 họ, bổ sung thêm cho danh lục chim tại KBTTN Thượng Tiến 78 loài, 6 họ và 1 bộ mới. Trong đó, có 04 loài quý hiếm. Mức độ phong phú thay đổi rất lớn giữa các loài. Các loài có mức độ phong phú cao chủ yếu thuộc họ Chào mào (*Pycnonotidae*). Số lượng loài ghi nhận được trong mùa đông cao hơn mùa hè do sự có mặt của nhiều loài chim di cư. Có hai mối đe dọa chính đến khu hệ chim KBTTN Thượng Tiến là săn bắt trái phép và phá hủy sinh cảnh. Các mối đe dọa này cần được ngăn chặn để hạn chế sự suy giảm của các loài chim quý hiếm.

Từ khóa: *Chim, đa dạng sinh học, động vật hoang dã, Thượng Tiến.*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

KBTTN Thượng Tiến nằm trên địa bàn 2 xã Thượng Tiến (huyện Kim Bôi) và Quý Hòa (huyện Lạc Sơn) với tổng diện tích tự nhiên là 7.308 ha. Khu vực đặc trưng bởi hệ sinh thái rừng kín thường xanh trên núi đất, với kết cấu 2-3 tầng. Đặc biệt, KBTTN Thượng Tiến còn được biết đến với vị trí án ngữ cửa ngõ của vùng sinh thái Tây Bắc và là vùng phân bố của nhiều loài động thực vật quý hiếm của Việt Nam và bán đảo Đông Dương. Tuy nhiên, các nghiên cứu đa dạng sinh học tại đây còn ít và chưa cụ thể, trong đó có khu hệ chim. Điều này đã gây ra những khó khăn không nhỏ cho Ban quản lý KBT trong việc đánh giá và cập nhật cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học tại khu vực và đề ra những chiến lược bảo tồn phù hợp, khả thi. Xuất phát từ yêu cầu cấp bách đó, chúng tôi đã tiến hành điều tra khu hệ chim tại KBTTN Thượng Tiến nhằm xây dựng danh lục loài, đánh giá được các mối tác động và xác định được các đối tượng cần ưu tiên bảo tồn.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Các loài chim cư trú tại KBTTN Thượng Tiến, tỉnh Hòa Bình.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phỏng vấn

Phương pháp phỏng vấn nhằm xác định sự có mặt, đồng thời bổ sung những thông tin về các loài chim ghi nhận ngoài thực địa.

Đối tượng phỏng vấn chủ yếu là người đi rừng có kinh nghiệm và cán bộ quản lý (18 người). Những thông tin cần quan tâm trong quá trình phỏng vấn là thành phần loài, đặc điểm phân bố và hiện trạng của các loài quý hiếm.

2.2.2. Điều tra thực địa

Quá trình điều tra thực địa được chia làm 2 đợt: đợt 1 từ 25/7 đến 25/9/2009 và đợt 2 từ 02/12/2009 – 02/02/2010 trên 4 tuyến điều tra, mỗi tuyến có chiều dài 3-4 km. Các tuyến được lập đảm bảo đi qua các dạng sinh cảnh chính của khu vực, đồng thời thuận lợi cho sự ghi nhận các loài chim.

Các loài chim được ghi nhận dựa vào việc quan sát trực tiếp bằng mắt hoặc qua tiếng kêu. Hoạt động quan sát chim ngoài thực địa được tiến hành với ống nhòm Nikon 8x40. Các loài chim được định loại nhanh ngoài thực địa với sự hỗ trợ của các tài liệu: Craig Robson (2005) và Nguyễn Cừ và đồng tác giả (2000). Số cá thể của từng loài trong mỗi lần điều tra cũng được xác định.

2.2.3. Xử lý số liệu

Danh lục chim được thiết lập dựa trên hệ thống

của Clement (2005). Tên phổ thông và tên khoa học của các loài được xây dựng theo Võ Quý, Nguyễn Cừ (2000).

Các loài chim quý được xác định là loài có tên một trong các tài liệu: Sách Đỏ Việt Nam (2007), Danh lục Đỏ IUCN (2010), Nghị định 32/2006/NĐ-CP và Công ước CITES.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thành phần loài chim tại KBTTN Thượng Tiến

Kết quả 2 đợt điều tra thực địa tại KBTTN Thượng Tiến đã ghi nhận tổng số 100 loài chim thuộc 29 họ và 8 bộ. Tất cả các các thể này đều được ghi nhận qua quan sát và tiếng kêu. Kết quả này đã bổ sung thêm 78 loài mới cho danh lục chim, đồng thời nâng tổng số loài chim có mặt tại KBTTN Thượng Tiến lên 155 loài, thuộc 36 họ và 12 bộ.

Bảng 1. Danh sách các loài chim ghi nhận tại KBTTN Thượng Tiến trong 2 đợt điều tra

TT loài	BỘ - HỌ - LOÀI		SĐVN 2007	DLĐ IUCN (2010)	NĐ 32 (2006)	CITES
	Tên Việt Nam	Tên khoa học				
	I. BỘ CU CU	CUCULIFORMES				
	1. Họ cu cu	Cuculidae				
1	Bìm bịp lớn	<i>Centropus sinensis</i>				
2	Tìm vịt	<i>Cacomantis merulinus</i>				
	II. BỘ CẮT	FALCONIFORMES				
	2. Họ ưng	Accipitridae				
3	Cắt nhỏ bụng trắng*	<i>Microhierax melanoleucos</i>				
4	Ưng lớn*	<i>Accipiter gentilis</i>				
5	Diều ăn ong*	<i>Pernis ptilorhynchus</i>				
	III. BỘ NUỐC	TROGONIFORMES				
	3. Họ Nuốc	Trogonidae				
6	Nuốc bụng đỏ*	<i>Harpactes erythrocephalus</i>				
	IV. BỘ BÒ CÂU	COLUMBIFORMES				
	4. Họ bò câu	Columbidae				
7	Cu xanh mỏ quặp*	<i>Treron curvirostra</i>				
8	Cu luồng*	<i>Chalcophaps indica</i>				
	V. BỘ CÚ	STRIGIFORMES				
	5. Họ Cú Mèo	Strigidae				
9	Cú vọ	<i>Glaucidium cuculoides</i>				PL 2
	VI. BỘ GÀ	GALLIFORMES				
	6. Họ trĩ	Phasianidae				
10	Gà rừng	<i>Gallus gallus</i>				
	VII. BỘ GỖ KIẾN	PICIFORMES				
	7. Họ Cu Rốc	Megalaimidae				
11	Cu rốc đầu đỏ*	<i>Megalaima asiatica</i>				
12	Cu rốc đầu vàng*	<i>Megalaima franklinii</i>				
13	Cu rốc đầu xám*	<i>Megalaima faiostriata</i>				
14	Cu rốc lớn	<i>Megalaima virens</i>				
15	Cu rốc tai đen*	<i>Megalaima incognita</i>				
16	Thầy chùa đít đỏ*	<i>Megalaima lagrandieri</i>				

TT loài	BỘ - HỌ - LOÀI		SDVN 2007	DLĐ IUCN (2010)	NĐ 32 (2006)	CITES
	Tên Việt Nam	Tên khoa học				
	8. Họ Gõ Kiến	Picidae				
17	Gõ kiến lùn mày trắng*	<i>Sasia ochracea</i>				
18	Gõ kiến nâu*	<i>Celeus brachyurus</i>				
19	Gõ kiến nhỏ đầu xám*	<i>Dendrocopos canicapillus</i>				
20	Gõ kiến vàng lớn*	<i>Chrysocolaptes lucidus</i>				
21	Gõ kiến xanh cánh đỏ*	<i>Picus chlorolophus</i>				
	VIII. BỘ SẾ	PASSERIFORMES				
	9. Họ Phường Chèo	Campephagidae				
22	Phường chèo đỏ lớn	<i>Pecrocotus flammeus</i>				
23	Phường chèo xám*	<i>Coracina melaschistos</i>				
	10. Họ Chào Mào	Pycnonotidae				
24	Chào mào đít đỏ	<i>Pycnonotus jocosus</i>				
25	Bông lau tai trắng	<i>Pycnonotus aurigaster</i>				
26	Cành cạch nhỏ*	<i>Iole propinqua</i>				
27	Cành cạch lớn*	<i>Alophoixus pallidus</i>				
28	Chào mào vàng mào đen*	<i>Pycnonotus melanicterus</i>				
29	Cành cạch núi*	<i>Ixos mccllellandii</i>				
30	Bông lau họng vạch*	<i>Pycnonotus jinlaysiai</i>				
31	Cành cạch đen	<i>Hypsipetes leucocephalus</i>				
	11. Họ Bách Thanh	Laniidae				
32	Bách thanh đuôi dài	<i>Lanius schach</i>				
	12. Họ Chích Chòe	Turdidae				
33	Hoét xanh	<i>Myophonus caeruleus</i>				
34	Hoét bụng trắng*	<i>Turdus cardis</i>				
	13. Họ Khướu	Timaliidae				
35	Khướu bụi đốm cổ*	<i>Stachyris striolata</i>				
36	Khướu mun*	<i>Garrulax lugubris</i>				
37	Khướu bạc má	<i>Garrulax chinensis</i>				
38	Khướu mỏ dài*	<i>Jabouilleia danjoui</i>	LR cd	LR cd		
39	Chuối tiêu đất*	<i>Pellomeum tickli</i>				
40	Chuối tiêu ngực đốm*	<i>Pellomeum ruficeps</i>				
41	Khướu đuôi dài*	<i>Gampsorhynchus rufulus</i>				
42	Khướu bụi đầu đen*	<i>Stachyris nigriceps</i>				
43	Khướu mào bụng trắng*	<i>Yuhina zantholeuca</i>				
44	Lách tách má nâu*	<i>Alcippe poioicephala</i>				
45	Kim oanh tai bạc*	<i>Leiothrix argentauris</i>				PL 2
46	Chích chạch má vàng*	<i>Macronus gularis</i>				
47	Khướu đầu trắng	<i>Garrulax leucolophus</i>				
48	Khướu lùn đuôi hung*	<i>Mila strigula</i>				
49	Hoạ mi đất mỏ dài*	<i>Pomatorhinus hypoleucos</i>				
	14. Họ Chim Chích	Sylviidae				
50	Chích bông đuôi dài	<i>Orthotomus sutorius</i>				

TT loài	BỘ - HỌ - LOÀI		SDVN 2007	DLĐ IUCN (2010)	NĐ 32 (2006)	CITES
	Tên Việt Nam	Tên khoa học				
51	Chích mào vàng	<i>Cettia flavolivacea</i>				
52	Chích đớp ruồi mỏ vàng*	<i>Abroscopus superciliaris</i>				
53	Chích hai vạch*	<i>Phylloscopus trochiloides</i>				
54	Chích ngực vàng*	<i>Bradypterus luteoventris</i>				
55	Chích á châu*	<i>Urosphena squameiceps</i>				
56	Chích mào xám*	<i>Seicercus tephrocephalus</i>				
57	Chích di hung*	<i>Phylloscopus subaffinis</i>				
58	Chích đuôi xám*	<i>Phylloscopus reguloides</i>				
59	Chích đuôi trắng*	<i>Phylloscopus davisoni</i>				
60	Chích mào vàng*	<i>Phylloscopus coronatus</i>				
61	Chích mào xám	<i>Phylloscopus maculipennis</i>				
	15. Họ Đớp Ruồi	Muscicapidae				
62	Đớp ruồi đầu xám*	<i>Culicicapa ceylonensis</i>				
63	Chích choè nước đầu trắng*	<i>Enicurus leschenaulti</i>				
64	Đớp ruồi hải nam*	<i>Cyornis hainanus</i>				
65	Đớp ruồi cằm đen*	<i>Niltava davidi</i>				
66	Đuôi đỏ núi mào xanh*	<i>Phoenicurus frontalis</i>				
67	Đớp ruồi họng đỏ*	<i>Ficedula parva</i>				
68	Chích choè	<i>Copsychus saularis</i>				
69	Chích choè lửa	<i>Copsychus malabaricus</i>				IIB
70	Oanh đuôi trắng*	<i>Cinclidium leucurum</i>				
	16. Họ Thiên Đường	Monarchidae				
71	Thiên đường đuôi phướn*	<i>Terpsiphone paradisi</i>				
71	Đớp ruồi xanh gáy đen*	<i>Hypothymis azurea</i>				
	17. Họ Bạc Má	Pridae				
73	Bạc má	<i>Parus major</i>				
74	Chim mào vàng*	<i>Melanochlora sultanea</i>				
75	Bạc má rừng*	<i>Sylviparus modestus</i>				
	18. Họ Trèo Cây	Sittidae				
76	Trèo cây trán đen*	<i>Sitta frontalis</i>				
	19. Họ Chim Sâu	Dicaeidae				
77	Chim sâu vàng lục*	<i>Dicaeum concolor</i>				
	20. Họ Hút Mật	Nectariniidae				
78	Hút mật đỏ*	<i>Aethopygia paraja</i>				
79	Bấp chuỗi đốm đen*	<i>Arachnothera magna</i>				
80	Hút mật đuôi nhọn	<i>Aethopyga christinae</i>				
	21. Họ Chèo Bèo	Dicruridae				
81	Chèo bèo cò đuôi chẻ*	<i>Dicrurus paradiseus</i>				
82	Chèo bèo rừng*	<i>Dicrurus aeneus</i>				
83	Chèo bèo mỏ quạ*	<i>Dicrurus annectans</i>				
84	Chèo bèo cò đuôi bằng*	<i>Dicrurus remifer</i>				

TT loài	BỘ - HỌ - LOÀI		SDVN 2007	DLĐ IUCN (2010)	NĐ 32 (2006)	CITES
	Tên Việt Nam	Tên khoa học				
	22. Họ Quạ	Corvidae				
85	Chim khách*	<i>Crypsirin temia</i>				
86	Chim khách đuôi cò*	<i>Temnurus temnurus</i>				
87	Chèo choạc xám	<i>Dendrocitta famosae</i>				
88	Chèo choạc hung*	<i>Dendrocitta vagabunda</i>				
89	Giẻ cùi xanh*	<i>Cissa chinensis</i>				
	23. Họ Mỏ Rộng	Eurylaimidae				
90	Mỏ rộng xanh*	<i>Psarisomus dalhousiae</i>				
91	Mỏ rộng hung*	<i>Serilophus lunatus</i>				
	24. Họ Chìa Vôi	Motacillidae				
92	Chim manh lưng xám*	<i>Anthus rubescens</i>				
93	Chìa vôi núi*	<i>Motacilla cinerea</i>				
94	Chìa vôi rừng*	<i>Dendronanthus indicus</i>				
	25. Họ Chim Nghệ	Aegithinidae				
95	Chim nghệ ngực vàng*	<i>Aegithina tiphia</i>				
	26. Họ Chim Xanh	Chloropseidae				
96	Chim xanh nam bộ*	<i>Chloropsis cochinchinensis</i>				
	27. Họ Nhạn Rừng	Artamidae				
97	Nhạn rừng*	<i>Artamus fuscus</i>				
	28. Họ Sẻ đồng	Cisticolidae				
98	Chiền chiện đầu nâu*	<i>Prinia rufescens</i>				
99	Chiền chiện bụng vàng*	<i>Prinia flaviventris</i>				
	29. Họ Rẻ Quạt	Rhipiduridae				
100	Rẻ quạt họng trắng	<i>Rhipidura albicollis</i>				

Ghi chú: * Các loài lần đầu tiên ghi nhận tại KBTTN Tượng Tiến

Ngoài 78 loài mới, kết quả này cũng đã bổ sung thêm cho danh lục chim KBTTN Thượng Tiến 06 họ mới, bao gồm: Trogonidae, Sittidae, Eurylaimidae, Aegithinidae, Chloropseidae, Artamidae) và 01 bộ mới là Trogoniformes.

Về phân loại học, bộ Sẻ chiếm ưu thế với 79 loài trong tổng số các loài ghi nhận được (chiếm 79% tổng số loài) và 21 họ (chiếm 72,4% tổng số họ).

Trong số các loài ghi nhận được có 4 loài quý hiếm bao gồm: Khướu mỏ dài (*Jabouilleia danjoui*), có tên trong Sách Đỏ Việt Nam và Danh lục Đỏ IUCN ở cấp LR cd; Chích chòe lửa (*Copsychus malabaricus*) có tên trong nhóm IIB của Nghị định 32/2006/NĐ-CP và 02 loài

có tên trong phụ lục II của Công ước CITES, gồm: Cú vọ (*Glaucidium cuculoides*), Kim oanh tai bạc (*Leiothrix argentauris*). Đây là các loài cần ưu tiên bảo tồn trong khu vực.

3.2. Mức độ phong phú của các loài

Tổng số 4.213 cá thể của 100 loài đã được ghi nhận trong quá trình điều tra. Những loài có số lượng cá thể được phát hiện nhiều gồm: Cành cách lớn, Cành cách nhỏ, Chào mào đít đỏ, Cành cách đen, Chào mào vàng mào đen, Chèo bẻo mỏ quạ, Chèo bẻo đen, Chích chạch má vàng, Chích đớp ruồi mỏ vàng, Chuối tiêu đất, Khướu bụi đốm cổ, Khướu mào bụng trắng, đớp ruồi đầu xám.

Bảng 2. Số lượng cá thể của các loài chim được phát hiện theo số lần phát hiện

TT	Loài	Số lượng loài theo số lần phát hiện												Tổng
		Lần 1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
1	Bìm bịp lớn											1		1
2	Tim vẹt		1						1					2
3	Cắt nhỏ bụng trắng												4	4
4	Ưng lớn			1										1
5	Điều ăn ong												1	1
6	Nước bụng đỏ	1	1	1	1	2					1	2	1	10
7	Cu xanh mỏ quặp	1		2	2									5
8	Cu luồng			1	2	1	1	1					3	9
9	Cú vọ dơlacua	1			1									2
10	Gà rừng											5	1	6
11	Cu rốc đầu đỏ					1								1
12	Cu rốc đầu vàng				8									8
13	Cu rốc đầu xám	4	4	2		3	2						2	17
14	Cu rốc lớn					1							2	3
15	Cu rốc tai đen	6	3	2		4	1		1			3	3	23
16	Thầy chùa đít đỏ	5	1		4		2	1	1	2	5	1	6	28
17	Gỗ kiến lùn mày trắng			2	2	1	2	1	1	2		1		12
18	Gỗ kiến nâu	1			1									2
19	Gỗ kiến nhỏ đầu xám								2					2
20	Gỗ kiến vàng lớn		1			1		1	1	1	2	3		10
21	Gỗ kiến xanh cánh đỏ			2	1	1			3		1			8
22	Phường chèo đỏ lớn	2	3	5	5	3		8	38	51	42	2	16	175
23	Phường chèo xám			1										1
24	Chào mào đít đỏ	32	47	19	40	38	35	18	17	11	19	14	5	295
25	Bông lau tai trắng							1						1
26	Cành cạch lớn	72	74	57	39	44	55	26	45	36	40	44	35	567
27	Cành cạch nhỏ	21	23	7	21	12	26	8	15	6	4	5	3	151
28	Chào mào vàng mào đen	38	29	21	19	25	33		2				3	170
29	Cành cạch núi								1					1
30	Bông lau họng vạch												33	33
31	Cành cạch đen	2			10		7							19
32	Bách thanh đuôi dài			1		2		1						4
33	Hoét xanh			2						1				3

TT	Loài	Số lượng loài theo số lần phát hiện												Tổng
		Lần 1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
34	Hoét bụng trắng											6		6
35	Khướu bụi đốm cổ	7	7	12	36	24	21	1	12	7	3	8	3	141
36	Khướu mun			2								1	5	8
37	Khướu bạc má			2				1		1	1			5
38	Khướu mỏ dài										1			1
39	Chuối tiêu đất	60	76	27	31	34	39	27	31	33	30	24	24	436
40	Chuối tiêu ngực đốm	2		1		2				1	1	1		8
41	Khướu đuôi dài	5	5			4	4		4	2		7	3	34
42	Khướu bụi đầu đen	11	4	3	9	6	8	5	12	4	4	4	7	77
43	Khướu mào bụng trắng	20	25	20	12	20	6	12	7	7	13	17	37	196
44	Lách tách má nâu												2	2
45	Kim oanh tai bạc							11	7	6	45	27		96
46	Chích chạch má vàng	19	5	21	3	22	20	19	22	38	14	16	53	252
47	Khướu đầu trắng	2		1			5	3		3	4	5	4	27
48	Khướu lùn đuôi hung								2					2
49	Hoạ mi đất mỏ dài				1									1
50	Chích bông đuôi dài			1	2	3	1		1					8
51	Chích mào vàng							1	2					3
52	Chích đớp ruồi mỏ vàng	61	69	30	16	53	21	35	30	28	33	30	34	440
53	Chích hai vạch			1			9	2	4	6	10	13		45
54	Chích ngực vàng										2	3		5
55	Chích á châu							4	1	4		1	2	12
56	Chích mào xám										5		1	6
57	Chích di hung								1					1
58	Chích đuôi xám										2			2
59	Chích đuôi trắng											2		2
60	Chích mào vàng									4				4
61	Chích mào xám										1			1
62	Đớp ruồi đầu xám	15	3	4	7	1	2		17	1	4	4		58
63	Chích chèo nước đầu trắng	1					1							2
64	Đớp ruồi hải nam	7	2			2								11
65	Đớp ruồi cằm đen												7	7
66	Đuôi đỏ núi mào xanh										1			1
67	Đớp ruồi họng đỏ										1			1

TT	Loài	Số lượng loài theo số lần phát hiện												Tổng	
		Lần 1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		
68	Chích choè			1				1							2
69	Chích choè lửa	5	5	5	5	5	4	6	6	3	2		1		47
70	Oanh đuôi trắng	1	3	1			1	2		4			2		14
71	Thiên đường đuôi phướn	10	4	4	12	6	8	1					2		47
72	Đớp ruồi xanh gáy đen	5	5	5	4	6	7								32
73	Bạc má				1										1
74	Chim mào vàng	5	2			1		7	2	18			2		37
75	Bạc má rừng												1		1
76	Trèo cây trán đen	1	1			1		2	3				1		9
77	Chim sâu vàng lục	4	12	8	3	3	10	1	1	1	3				46
78	Hút mật đỏ		2												2
79	Bấp chuỗi đốm đen	1	3					1					2		7
80	Hút mật đuôi nhọn							1					2	4	7
81	Chèo bẻo cò đuôi chẻ				1		3	1	2	4			5		16
82	Chèo bẻo rừng	24	14	20	16	13	15	5	4	8		5	5		129
83	Chèo bẻo mỏ quạ	9	11	30	30	20	11	1	1	6		5			124
84	Chèo bẻo đuôi cò bằng			1											1
85	Chim khách		2	1	2	1	2						2		10
86	Chim khách đuôi cò	1	3	11	4			1		8	12		3		43
87	Choàng choạc xám				14	10	5	5	2	3	8				47
88	Choàng choạc hung												4		4
89	Giẻ cùi xanh				1										1
90	Mỏ rộng xanh							2	1	2	9				14
91	Mỏ rộng hung	2	5	6	1	3	1			1	4	5			28
92	Chim manh lưng xám								5	5		10			20
93	Chìa vôi núi								1						1
94	Chìa vôi rừng										1				1
95	Chim nghệ ngực vàng	1													1
96	Chim xanh nam bộ	5				1									6
97	Nhạn rừng											4	1		5
98	Chiền chiện đầu nâu				4							8	1		13
99	Chiền chiện bụng vàng								4						4
100	Rẻ quạt họng trắng							3	3	2	2	2	5		17
	Tổng cộng														4.213

Trong tổng số 100 loài, có 65 loài được phát hiện trong đợt điều tra mùa hè. 82 loài được phát hiện trong đợt điều tra mùa đông, trong đó có 35 loài không được ghi nhận được trong đợt điều tra mùa hè (Bảng 2). Kết quả này cho thấy vào mùa đông, ngoài những quần thể chim định cư thì còn xuất hiện các quần thể chim di cư, đặc biệt là các loài trong họ Chim chích nên số loài được phát hiện cao hơn. Do vậy, để phát hiện một cách đầy đủ nhất số loài của khu hệ chim của một khu vực thì thời gian điều tra cần được tiến hành cả ở 2 thời điểm: mùa hè và mùa đông.

3.3. Các mối đe dọa đến khu hệ chim KBTTN Thượng Tiến

Có hai mối đe dọa chính đến khu các loài chim nói riêng và động vật nói chung tại KBTTN Thượng Tiến, đó là săn bắn trái phép và phá hủy sinh cảnh sống.

Người dân sống trong KBT chủ yếu là người Mường thường săn bắt động vật làm thực phẩm, phục vụ cuộc sống. Các phương thức săn bắt chính là sử dụng nỏ, súng, bẫy. Kết quả điều tra cho thấy 100% các hộ sống trong KBT đều có nỏ. Người dân đi săn quanh năm, trong đó tập trung nhiều vào mùa sinh sản.

Đối tượng săn bắt chính là các loài có giá trị thực phẩm như gà rừng và các loài chim cảnh như Họa mi, Khướu, Chèo mào. Ngày nay, phần lớn sản phẩm săn bắt được bán ra thị trường, một số ít được sử dụng ngay tại địa phương. Phá hủy sinh cảnh sống chủ yếu gây ra bởi các hoạt động khai thác gỗ, lâm sản trái phép. Gỗ được dùng tại địa phương để làm nhà, đóng đồ. Hoạt động này đã gây ra những tác động tiêu cực đến hệ sinh thái rừng.

Mặc dù chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng đã có nhiều giải pháp bảo vệ tài nguyên đa dạng sinh học, tuy nhiên tình trạng này vẫn diễn ra lén lút tại một số khu vực. Hai mối đe dọa này nếu không được ngăn

chặn kịp thời thì các loài chim sẽ tiếp tục bị đe dọa và có khả năng suy giảm quần thể. Biện pháp tăng cường công tác thực thi pháp luật và giám sát các loài chim quý hiếm nên được coi là các biện pháp ưu tiên đối với công tác bảo tồn khu hệ chim, đặc biệt là các loài quý hiếm trong KBT.

IV. KẾT LUẬN

Tổng số 4.213 cá thể của 100 loài chim thuộc 29 họ, 8 bộ đã được ghi nhận trong đợt điều tra này, nâng tổng số loài chim ghi nhận tại khu vực từ trước đến nay lên thành 155 loài, thuộc 36 họ và 12 bộ.

Trong số các loài chim ghi nhận được thì bộ sẽ chiếm ưu thế với 79% số loài và 72,4% số họ. Kết quả điều tra cũng đã xác định 4 loài chim quý hiếm cần ưu tiên bảo tồn, bao gồm: Khướu mỏ dài (*Jabouilleia danjoui*), Chích chèo lửa (*Copsychus malabaricus*), Cú vọ (*Glaucidium cuculoides*), Kim oanh tai bạc (*Leiothrix argentea*).

Mức độ phong phú thay đổi rất lớn giữa các loài. Chủ yếu các loài có mức độ phong phú cao thuộc bộ Chèo mào (*Pycnonotidae*). Số lượng loài ghi nhận được trong mùa đông cao hơn mùa hè do sự có mặt của nhiều loài chim di cư.

Hai mối đe dọa chính đến khu hệ chim KBTTN Thượng Tiến là săn bắn trái phép và phá hủy sinh cảnh. Các mối đe dọa này cần được ngăn chặn để hạn chế sự suy giảm của các loài chim quý hiếm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam (2007). *Sách đỏ Việt Nam*. Nxb Khoa học tự nhiên và công nghệ, Hà Nội.
2. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2006). *Nghị định số: 32/2006/NĐ-CP, ngày 30/3/2006 của Thủ tướng chính phủ về: Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm*.
3. *The Clements Checklist of Birds of the World* (2007). Cornell University Press.

4. Nguyễn Cử, Lê Trọng Trái, & Phillips, K. (2000). *Chim Việt Nam*. Nhà xuất bản Lao Động, Hà Nội.

5. IUCN (2010). The IUCN Red list of threatened species, <<http://www.iucnredlist.org>>.

6. UBND tỉnh Hoà Bình (1995). *Luận chứng kinh tế kỹ thuật khu bảo tồn thiên nhiên Thượng Tiến, huyện Kim Bôi, tỉnh Hoà Bình, Hoà Bình*.

7. Viện Điều tra quy hoạch rừng (2001). *Thông tin các khu bảo vệ hiện có và đề xuất ở Việt Nam*. Hà Nội.

8. Võ Quý và Nguyễn Cử (2000). *Danh lục chim Việt Nam*. Nhà xuất bản Nông Nghiệp, Hà Nội.

9. Robson, C. (2000). *A Guide to the Birds of Southeast Asia*. Princeton University Press, Princeton.

AVIFAUNA OF THUONG TIEN NATURE RESERVE, HOA BINH

Vu Tien Thinh

SUMMARY

Thuong Tien nature reserve is located in Lac Son and Kim Boi of Hoa Binh province, covering an area of 7,308 hectares. The reserve that is characterized by natural evergreen forest ecosystem plays an important roles in many aspects. The survey for the avifauna of the area recorded 100 species, belonging to 8 orders and 29 families. Of those species, 78 species and six families and one orders. In particular, there are four rare and endangered species. Abundance varies so widely among species. Species that are abundant are mainly in the Pycnonotidae. The number of species recorded in the winter is higher than in the summer due to the presence of migratory species. There are two major threats to avifauna of the nature reserve that are illegal hunting and habitat destruction. The threats should be control to prevent the decline of the rare avian population.

Keywords: *Birds, biodiversity, Thuong Tien, wildlife.*

Người phản biện: TS. **Đông Thanh Hải**

Ngày nhận bài : 08/05/2014

Ngày phản biện : 08/05/2014

Ngày quyết định đăng : 10/06/2014